

Chuyển đổi số trong ngành dịch vụ logistics: thách thức và cơ hội

TS. LÊ THỊ MỸ NGỌC

Khoa Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Đại học Đại Nam

- NGÀY NHẬN BÀI: 12/10/2022 ● NGÀY GỬI PHẢN BIỆN: 06/11/2022
- NGÀY DUYỆT ĐĂNG: 10/11/2022

Tóm tắt: Dưới tác động mạnh mẽ của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, chuyển đổi số (CĐS) là xu hướng tất yếu, là vấn đề sống còn đối với mỗi quốc gia, tổ chức, doanh nghiệp (DN) và người tiêu dùng trên toàn thế giới. Trong bối cảnh của nền kinh tế số hiện nay, đòi hỏi các tổ chức, DN và mô hình truyền thống phải có sự thay đổi mạnh mẽ để tiếp tục tồn tại và phát triển. Bài viết dưới đây đề cập đến những thách thức CĐS trong ngành dịch vụ logistics và đề xuất một số giải pháp góp phần hỗ trợ các DN CĐS thành công.

Từ khóa: Logistics, ngành dịch vụ logistics, chuyển đổi số.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chuyển đổi số (Digital Transformation) được hiểu là việc ứng dụng những tiến bộ về công nghệ số như điện toán đám mây (cloud), dữ liệu lớn (Big data),... vào mọi hoạt động của tổ chức, DN nhằm đạt được hiệu quả tối ưu hơn. CĐS thay đổi phương thức làm việc, sản xuất thông qua sự tích hợp các công nghệ kỹ thuật số vào hoạt động của mỗi đơn vị, DN nhằm thay đổi cách thức vận hành, mô hình kinh doanh và đem lại hiệu quả cao và giá trị hơn. Tuy nhiên, việc thay đổi mô hình kinh doanh hay cách thức vận hành của DN không hề đơn giản. Không chỉ những startup nhỏ lẻ, ngay đến cả những tập đoàn đa quốc gia cũng có thể thất bại nếu đưa ra những quyết định sai lầm trong quá trình chuyển đổi số.

Theo một báo cáo mới đây của Mckinsey, 70% các nỗ lực chuyển đổi số của DN đều thất bại trong việc đạt được các mục tiêu đề ra ban đầu. Vậy, chuyển đổi số như thế nào cho hiệu quả, bắt đầu từ đâu và DN gặp phải những khó khăn gì trong CĐS là vấn đề được nhiều DN quan tâm.

2. THỰC TRẠNG CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG NGÀNH DỊCH VỤ LOGISTICS

2.1. Chuyển đổi số trong ngành dịch vụ logistics

CĐS là yêu cầu cấp thiết để khôi phục và phát triển ngành dịch vụ logistics trong điều kiện “sống an toàn” với đại dịch Covid -19.

Trong những năm qua, xác định logistics là một trong các ngành xương sống của nền

kinh tế số, Việt Nam đã quan tâm đến phát triển dịch vụ logistics.

Quyết định 221/QĐ-TTg ngày 22/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 200/QĐ-TTg ngày 14/02/2017 về việc phê duyệt Kế hoạch hành động nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistics Việt Nam đến năm 2025 đã đề ra 61 nhiệm vụ nhằm phát triển bền vững ngành dịch vụ logistics với 6 mục tiêu cụ thể. Theo đó, ngành dịch vụ logistics phấn đấu đạt tỷ trọng 5% - 6% GDP, tốc độ tăng trưởng dịch vụ đạt 15% - 20%, tỷ lệ thuê ngoài dịch vụ logistics đạt 50% - 60%, chi phí logistics giảm xuống tương đương 16% - 20% GDP, xếp hạng theo chỉ số năng lực quốc gia về logistics (Logistics Performance Index - LPI) trên thế giới đạt thứ 50 trở lên; tập trung thu hút đầu tư vào phát triển hạ tầng logistics, xây dựng các trung tâm logistics cấp khu vực và quốc tế, nâng cao hiệu quả kết nối giữa Việt Nam với các nước.

Theo Hiệp hội doanh nghiệp Logistics Việt Nam (VLA), thị trường logistics tại Việt Nam đã có sự tham gia của hơn 4000 DN, trong đó có tới 95% là DN vừa và nhỏ (SMEs). Trong đó, DN Việt chỉ chiếm 20% thị phần, còn lại 80% dòng chảy hàng hoá này thuộc về các công ty nước ngoài cung cấp dịch vụ logistics xuyên quốc gia, với các tên tuổi lớn như: DHL, FedEx, Maersk

Logistics, APL Logistics, CJ logistics, KMTC Logistic,... Hiện nay, chỉ có một nhóm các công ty lớn có thể đáp ứng điều kiện CDS như DHL, Fedex và các thương hiệu hàng đầu Việt Nam như Viettel Post và Vietnam Post. Chi phí logistics tại Việt Nam còn rất cao (chiếm 20.9% GDP) cùng tỉ lệ giao hàng không thành công nằm ở mức 10% cho thấy các mô hình vận chuyển logistics truyền thống tại Việt Nam đang dần trở nên lạc hậu. Theo số liệu thống kê của (VLA), Covid-19 là nguyên nhân chính khiến 15% DN logistics bị giảm tới 50% doanh thu, và hơn 50% DN giảm số lượng dịch vụ trong nước và quốc tế từ 10 - 30% so với cùng kỳ năm ngoái. Có thể nói, ngành logistics đã phải chịu ảnh hưởng khá nặng nề vì bối cảnh dịch bệnh.

Trước áp lực của đại dịch Covid-19, chuỗi cung ứng toàn cầu bị đứt gãy và đảo lộn, các hoạt động logistics và chuỗi cung ứng cũng bị ảnh hưởng mạnh mẽ. Hoạt động CDS được thúc đẩy và phát triển mạnh mẽ hơn khi làn sóng Covid-19 liên tục xuất hiện. Bên cạnh đó, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của thương mại điện tử và kinh tế số, các DN cung cấp dịch vụ logistics đang dần nhận thức được tầm quan trọng của việc CDS trong DN. Để duy trì hoạt động, nhiều DN đã mạnh ứng dụng công nghệ, thương mại điện tử và khai thác khá hiệu quả phương thức vận hành hậu cần trực tuyến (e-logistics). Việc ứng dụng các công nghệ vào hoạt động kinh doanh giúp DN tối ưu hóa dây chuyền sản xuất và cung ứng sản phẩm. Đến nay, hoạt động CDS trong DN đã có những bước tiến nhất định. Việc chuyển đổi từ kinh doanh truyền thống sang các nền tảng số đang dần trở thành xu hướng và giải pháp giúp các DN phát triển và mở rộng thị trường xuất nhập khẩu.

Các DN của Việt Nam mới chỉ đáp ứng 2 - 17 loại dịch vụ logistics khác nhau và cũng

TRONG NHỮNG NĂM QUA, XÁC ĐỊNH LOGISTICS LÀ MỘT TRONG CÁC NGÀNH XƯƠNG SỐNG CỦA NỀN KINH TẾ SỐ, VIỆT NAM ĐÃ CÓ NHỮNG QUAN TÂM ĐẶC BIỆT ĐẾN PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ LOGISTICS.

TUY NHIÊN, NHÌN BỨC TRANH TOÀN NGÀNH DỊCH VỤ LOGISTICS VIỆT NAM, TỶ LỆ CÁC DN CDS THÀNH CÔNG VẪN ÍT. HIỆN CHỈ CÓ NHỮNG DN LỚN NHƯ: CÔNG TY TÂN CẢNG, GEMADEPT, VINAFCO, U&I, TBS, TRANSIMEX, SOTRANS... MỚI CÓ ĐỦ NGUỒN LỰC ĐỂ PHÁT TRIỂN CÁC ỨNG DỤNG QUẢN LÝ KHO HÀNG, ĐẠT MỨC ĐỒNG BỘ DỮ LIỆU GIỮA CÁC BỘ PHẬN GIAO HÀNG, QUẢN LÝ HÀNG TỒN, KẾ TOÁN TÀI CHÍNH.

mới chỉ có 50 – 60% DN đóng góp, tùy theo quy mô và tính chất dịch vụ của từng DN. Trong đó, một số DN lớn đã áp dụng thành công giải pháp công nghệ mang lại hiệu quả cho dịch vụ logistics, giảm đáng kể chi phí liên quan. Chẳng hạn, cảng điện tử (ePort) và lệnh giao hàng điện tử (eDO) tại Tân Cảng Sài Gòn; ứng dụng giải pháp tổng thể trong dịch vụ Logistics tại Công ty T&M Forwarding, số hóa chứng từ vận tải (Invoicing and Payments), đầu tư vào ứng dụng giải pháp tổng thể trong dịch vụ Logistics (Saas), dữ liệu lớn (Big Data), điện toán đám mây (Cloud Computing), nhà kho thông minh (Smart Warehousing)... Do đó, việc chuyển đổi số cần theo lộ trình phù hợp với khả năng của DN.

Bước chuyển đổi kỹ thuật số đầu tiên trong ngành Logistics tại Việt Nam có thể kể tới sự ra đời của Mạng lưới logistics thông minh ASEAN với dự án “Trung tâm Logistics ICD Vĩnh Phúc - SuperPort”. Do hai tập đoàn lớn là T&T Group (Việt Nam) và YCH Holdings (Singapore) hợp tác đầu tư để tạo ra một trung tâm logistics thông minh và hiện đại tại Việt Nam. Dự án có chức năng tích hợp Trung tâm logistics công nghệ cao đa phương thức hàng đầu trong khu vực với kho cảng container nội địa (Inland Clearance Depart - ICD).

Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn đã áp dụng Cảng điện tử (ePort) và lệnh giao hàng điện tử (eDO), hệ thống giám sát hải

quan tự động, hệ thống giám sát an ninh cảng biển trên nền tảng công nghệ số. Việc đưa vào vận hành các phần mềm công nghệ thông tin góp phần giảm thiểu thời gian làm hàng từ 2 - 3 giờ/container xuống còn 50 phút/container vào hạ bãi và xuất hàng ra cảng, làm giảm 55% thời gian tàu nằm bến cho các hãng tàu; giảm 3/4 thời gian giao nhận hàng hóa cho khách hàng; giảm 60% các vụ việc mất an toàn lao động, an toàn giao thông.

Bưu điện Việt Nam xây dựng nền tảng bản đồ Vmap và cơ sở dữ liệu địa chỉ thời gian thực để định vị, định địa chỉ dữ liệu và gán mã cho địa chỉ hộ gia đình. Nền tảng mã địa chỉ bưu điện có khả năng số hóa và định vị chính xác địa chỉ của khách hàng để cung cấp thông tin cho các DN thuộc các ngành, lĩnh vực, dịch vụ có nhu cầu tìm kiếm. Giải pháp góp phần tối ưu hóa việc chuyển phát hàng hóa từ người gửi đến người nhận của các DN bưu chính, vận tải, logistics, TMĐT.

Tuy nhiên, nhìn bức tranh toàn ngành dịch vụ Logistics Việt Nam, tỷ lệ các DN CDS thành công vẫn ít. Hiện chỉ có những DN lớn như: Công ty Tân Cảng, Gemadept, Vinafcoco, U&I, TBS, Transimex, Sotrans... mới có đủ nguồn lực để phát triển các ứng dụng quản lý kho hàng, đạt mức đồng bộ dữ liệu giữa các bộ phận giao hàng, quản lý hàng tồn, kế toán tài chính.

Nhiều doanh nghiệp SMEs dù đã nhận thức được tầm quan trọng của CDS; nguyên nhân, do tiềm lực tài chính còn khiêm tốn (80% DN thành lập có vốn đăng ký từ 1,5 - 2 tỷ đồng). Thiếu nền tảng CNTT đủ mạnh cho phép chuyển đổi kỹ thuật số, thiếu tư duy kỹ thuật số và hơn hết là sự hạn chế về khả năng đầu tư tài chính cho lĩnh vực CNTT. Thêm vào đó, tâm lý chưa thực sự tin tưởng về các ứng dụng công nghệ số (bảo mật, mức độ an toàn, khả năng thanh toán...) cộng với thói quen ngại thay đổi của lãnh đạo DN và nhân viên cũng gặp không ít cản trở việc CDS của DN. Theo kết quả khảo sát của VINASA Nhiều doanh nghiệp SMEs không biết chuyển đổi số (CDS) như thế nào, 72% không biết bắt đầu từ đâu và 69% DN không biết lựa chọn đối tác nào để triển khai⁶. Điều này cũng phù hợp với nghiên cứu của Tập đoàn Dữ liệu quốc tế (IDC) về mức độ sẵn sàng CDS. Theo kết quả này chỉ 16% DN Việt Nam đang trong giai đoạn sẵn sàng chuyển đổi số cấp cao. Hơn 50% đang trong giai đoạn 2, có nỗ lực CDS nhưng rời rạc, nhỏ lẻ. Có tới 31% DN vẫn phản ứng thụ động với những thay đổi của thị trường và hầu như không có bất kỳ nỗ lực nào cho CDS. Thống kê của FPT, cũng chỉ ra có đến 70% DN Việt Nam CDS số thất bại và dưới đây là những rào cản lớn nhất mà các DN logistics Việt Nam đang đối mặt.

Có thể thấy, trong bối cảnh hiện nay, việc ứng dụng công nghệ thông tin, CDS là giải pháp cấp thiết với các DN logistics. CDS sẽ giúp cho chuỗi cung ứng được vận hành hiệu quả hơn, tối ưu chi phí, tiết kiệm thời gian và mang lại nhiều giá trị cho khách hàng cũng như nền kinh tế quốc gia.

2.2. Một số thách thức trong chuyển đổi số ngành dịch vụ logistics

Là ngành trọng yếu trong nền kinh tế, Logistics là nền tảng cho thương mại hàng

hóa. Hiện nay, chuyển đổi số trong logistics đứng trước rất nhiều cơ hội bứt phá với sự bùng nổ của công nghệ số. Từ thực tiễn hiện nay của ngành dịch vụ logistics, có thể nhận thấy một số thách thức cơ bản trong hoạt động CDS như sau:

- Về công nghệ:

Trong CDS, công nghệ là yếu tố đóng vai trò số 1. Là một trong những ngành then chốt trong thương mại quốc tế, logistics cần được đầu tư kỹ lưỡng để có thể đáp ứng, thích nghi với bối cảnh thị trường. Việc lựa chọn đúng công nghệ, phù hợp với tính chất hoạt động của DN cũng như khả năng đầu tư, trình độ nhân lực là một yêu cầu quan trọng. Theo đánh giá chung, hiện nay đa số DN mới chỉ dừng ở mức độ số hóa, tức là chuyển dữ liệu hoạt động sang dạng lưu trữ điện tử chứ chưa có sự kết nối và khả năng tra cứu số liệu cũng như xử lý đơn hàng trên nền tảng trực tuyến. Mức độ ứng dụng khoa học công nghệ tại DN cung cấp dịch vụ logistics còn chưa cao. Các phần mềm tiêu chuẩn quốc tế chưa ứng dụng được nhiều tại Việt Nam.

Theo khảo sát năm 2018 của VLA, mức độ ứng dụng khoa học công nghệ tại Việt Nam còn chưa cao, đa phần là các giải pháp đơn lẻ. Khoảng 40% các ứng dụng công nghệ thông tin hiện đang được sử dụng tại các DN logistics là các ứng dụng cơ bản như quản lý giao nhận quốc tế, quản lý kho hàng, quản lý vận tải, trao đổi dữ liệu, đặc biệt khai báo hải quan được ứng dụng nhiều nhất 75 -100%. Đặc biệt với thị trường TMĐT, đơn hàng có thể lên đến hàng triệu đơn mỗi ngày, nhiều chủng loại, phân tán với nhiều địa điểm giao hàng khác nhau, nếu không trang bị hệ thống phân loại hàng tự động thì không thể đáp ứng nhu cầu giao hàng và độ chính xác. Các DN logistics nhỏ xử lý đơn hàng và phân loại hàng hóa thủ công nên chỉ cung cấp các dịch vụ đơn giản, tốc độ chậm, có tính lẻ tẻ

trong phạm vi địa phương.

CĐS ngành Logistics cũng đòi hỏi trang bị các phần mềm quản lý đơn hàng (OMS - Order Management System), quản lý kho (Warehouse Management System - WMS), quản lý vận tải (Transportation Management System - TMS), hoạch định nguồn lực (Enterprise Resource Planning - ERP), ... để kết nối hạ tầng thông tin, cung cấp dữ liệu theo thời gian thực, tra cứu thông tin đơn hàng mọi lúc, mọi nơi.

- Về nguồn lực tài chính:

Phần lớn các DN cung cấp dịch vụ logistics là các DN có quy mô nhỏ, tiềm lực tài chính còn yếu. Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê, Việt Nam có hơn 98,1% doanh nghiệp SME và 99% DN này đang gặp khó khăn về vốn. Chính vì thiếu vốn, nên các DN này cho rằng CĐS chỉ dành cho các DN lớn và chỉ ưu tiên đầu tư cho các hình thức tăng trưởng ngắn hạn.

Nguồn tài chính đầu tư vào CĐS để phát triển cơ sở hạ tầng CNTT cũng là rào cản lớn đối với các DN logistics. Với 90% số DN có vốn dưới 10 tỷ đồng, 5% có vốn từ 10 - 20 tỷ đồng thì khả năng ứng dụng các giải pháp công nghệ đắt đỏ là rất khó khăn. Trong khi quá trình CĐS đòi hỏi tiêu tốn từ hàng trăm triệu đến hàng chục tỷ đồng. Một hệ thống phân loại hàng hóa tự động, có thể xử lý hàng triệu đơn đặt hàng với nhiều danh mục có giá hàng triệu đô la Mỹ.

Theo VLA, quá trình CĐS có chi phí rơi vào khoảng từ 200 triệu tới hàng chục tỷ đồng. Mức chi phí này là khá cao đối với những DN có quy mô vừa và nhỏ của Việt Nam. Nhiều DN cho biết, nếu đầu tư theo hướng tự động hóa như các mô hình và phần mềm nước ngoài thì tốn nhiều chi phí đầu tư ban đầu; còn nếu tự làm theo mô hình nội bộ sẽ mất nhiều thời gian, khó

khăn, chi phí nguồn nhân lực công nghệ thông tin... Các giải pháp phần mềm cũng rất đắt, thí dụ, một phần mềm giao hàng điển hình có giá khoảng 100 triệu đồng đến 200 triệu đồng, thanh toán đầy đủ một lần và sau đó sẽ có phí bảo trì hàng năm khoảng 10% - 20%. CargoWise One (CW1) là nền tảng công nghệ nổi tiếng quốc tế, bao gồm nhiều phân hệ như hải quan, TMS, WMS, giao nhận hàng hóa, ... được tích hợp. Giúp thống nhất tất cả các hoạt động kinh doanh, từ CRM (quản lý quan hệ khách hàng, tiếp thị, bán hàng, ...) đến hoạt động vận hành (đặt chỗ, giám sát lô hàng, trình kê khai, ...). CW1 được tính phí dựa trên số lượng người dùng và số lượng giao dịch. Với DN từ 25 - 50 người, tổng chi phí sử dụng ước tính khoảng 50 triệu đồng đến 150 triệu đồng mỗi tháng, người dùng một năm phải trả từ 1 tỷ đồng đến 1,5 tỷ đồng. Mức chi phí này là thách thức không nhỏ với hầu hết các DN logistics Việt Nam hiện nay trong CĐS, do đó hiện họ chỉ có thể ứng dụng chủ yếu phần mềm riêng lẻ như khai hải quan điện tử, công nghệ định vị địa lý, ô tô, email và internet cơ bản. Nguồn lực tài chính dành cho đầu tư CĐS trở thành một trong những bài toán khó giải nhất hiện nay nếu không có sự hỗ trợ của Nhà nước và các tổ chức tài chính tín dụng... Chi phí đầu tư hạ tầng CNTT đồng bộ như vậy lên đến hàng chục, thậm chí hàng trăm tỉ đồng, là gánh nặng quá lớn với các DN logistics vừa và nhỏ. Thống kê của Sao Bắc Đẩu cho thấy 75% cảng, ICD, depot hiện chưa thể ứng dụng phần mềm hiện đại, chủ yếu sử dụng lao động kết hợp với một số phần mềm đơn giản. Dẫn đến không thể tối ưu hóa thông lượng hàng hóa, gây chậm trễ và tắc nghẽn. Chỉ có những DN lớn như Công ty Tân Cảng, Gemadept, Vinafco, U&I, TBS, Transimex, Sotrans,... mới đủ nguồn

KHÓ KHĂN LỚN NHẤT CỦA NGÀNH LOGISTICS LÀ SỰ THIẾU HỤT VÀ HẠN CHẾ VỀ HẠ TẦNG CNTT TRONG CDS. VÌ VẬY, ĐIỀU TRỌNG YẾU ĐỂ CDS THÀNH CÔNG, NHÀ NƯỚC CẦN CÓ CÁC CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG ĐỂ ỨNG DỤNG KHCN HIỆN ĐẠI, BẮT KỊP TRÌNH ĐỘ QUỐC TẾ, HÌNH THÀNH NGÀNH LOGISTICS ĐIỆN TỬ TRONG BỐI CẢNH CÔNG NGHIỆP 4.0.

lực để phát triển các ứng dụng OMS, WMS, TMS,... đạt mức đồng bộ dữ liệu giữa các bộ phận giao hàng, quản lý hàng tồn, kế toán tài chính.

- Về nhận thức và nguồn nhân lực:

CDS là việc ứng dụng công nghệ trên nền tảng internet vào mọi hoạt động của doanh nghiệp nên đòi hỏi trình độ rất cao cả về kỹ thuật cũng như nhân lực. Theo đó, số hóa dữ liệu đã là một bước đầu của CDS. Cần có nhận thức đúng đắn về vai trò, hiệu quả của CDS để có chiến lược đầu tư thích hợp về nguồn lực, nhân lực, tài lực cho quá trình này. CDS đổi số thực chất là một quá trình thay đổi, không chỉ thay đổi về hạ tầng vật chất mà còn phải thay đổi về ý thức làm việc. Trong vấn đề này, vai trò của người lãnh đạo hết sức quan trọng. Nếu lãnh đạo không đi đầu, làm gương trong việc CDS, sử dụng các công cụ số trong quản lý, điều hành thì rất khó để yêu cầu bộ máy bên dưới triển khai quá trình này.

Nguồn nhân lực logistics của Việt Nam không những thiếu về số lượng mà còn yếu về chất lượng. Đặc biệt, những người đang nắm vị trí chủ chốt dù đã được đào tạo hoặc tái đào tạo nhưng cơ bản vẫn còn thiếu kiến thức và kinh nghiệm kinh doanh trong lĩnh vực logistics và thương mại quốc tế. Theo kết quả khảo sát mới đây của Viện Nghiên cứu phát triển TP. Hồ Chí Minh, có đến 53,3% DN thiếu đội ngũ nhân viên có

trình độ chuyên môn, kiến thức logistics; 30% DN phải đào tạo lại nhân viên và chỉ có 6,7% DN hài lòng với chuyên môn của nhân viên.... Nhiều DN logistics vẫn chưa nhận thức đầy đủ về vai trò của CDS trong cách mạng 4.0. Những rào cản mà họ đang gặp như thiếu kỹ năng số và nguồn nhân lực, thiếu nền tảng CNTT hiện đại, thiếu năng lực tài chính và trên hết là thiếu tư duy số đang là những trở ngại không nhỏ về nhận thức trong tiến trình CDS. Thực tế cho thấy, nhiều lãnh đạo DN vẫn có thái độ e ngại về tính an toàn, khả năng bảo mật thông tin của các nền tảng trực tuyến, dẫn đến việc chậm chạp, thiếu nhạy bén với các ứng dụng công nghệ CDS.

3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG DỊCH VỤ LOGISTICS

3.1. Về phía các cơ quan quản lý

- Chú trọng đầu tư, phát triển hạ tầng số. Phát triển hạ tầng số, sẵn sàng đáp ứng nhu cầu bùng nổ về kết nối và xử lý dữ liệu, các chức năng về giám sát mạng lưới và bảo đảm an toàn, an ninh mạng được tích hợp sẵn ngay từ khi thiết kế, xây dựng. Nghiên cứu và ứng dụng các công nghệ mới, tiến bộ kỹ thuật trong quản lý, vận hành, đào tạo về chuỗi cung ứng và dịch vụ logistics.

Khó khăn lớn nhất của ngành logistics là sự thiếu hụt và hạn chế về hạ tầng CNTT trong CDS. Vì vậy, điều trọng yếu để CDS

thành công, nhà nước cần có các chương trình hành động để ứng dụng KHCN hiện đại, bắt kịp trình độ quốc tế, hình thành ngành Logistics điện tử trong bối cảnh công nghiệp 4.0.

Theo đó, chú trọng đầu tư vào hạ tầng số, đáp ứng nhu cầu bùng nổ về kết nối và xử lý dữ liệu; Huy động các tập đoàn CNTT xây dựng, chuyển giao các phần mềm logistics cho các DN logistics Việt Nam với giá ưu đãi để tạo cơ hội sử dụng và tham gia vào các hoạt động CDS một cách đồng đều. Do logistics có mối quan hệ mật thiết cùng hệ thống giao thông vận tải nên khi triển khai chuyển đổi số cũng cần tập trung phát triển hệ thống giao thông thông minh, tập trung vào các hệ thống giao thông đô thị, đường cao tốc, quốc lộ. Chuyển đổi các hạ tầng logistics như cảng biển, cảng thủy nội địa, hàng không, đường sắt, kho vận...

- *Nghiên cứu và ứng dụng các công nghệ mới, tiến bộ kỹ thuật trong quản lý, vận hành, đào tạo về chuỗi cung ứng và dịch vụ logistics.* Khuyến khích, hướng dẫn DN trong một số ngành áp dụng mô hình quản trị chuỗi cung ứng tiên tiến trong sản xuất, kinh doanh, trong đó chú trọng các hoạt động logistics trên nền tảng ứng dụng CNTT và công nghệ mới trong logistics.

- *Hoàn thiện khung pháp lý về dịch vụ logistics và chuyển đổi số,* nhất là vấn đề bảo mật thông tin, hợp tác phòng chống phá hoại, vấn đề quản trị kỹ thuật số. Tích hợp các chức năng về giám sát mạng lưới, bảo đảm an toàn, an ninh mạng ngay từ khi thiết kế, xây dựng. Nghiên cứu sửa đổi, ban hành mới các chính sách, pháp luật điều chỉnh dịch vụ logistics, vận tải đa phương thức, vận tải xuyên biên giới trong TMĐT.

- *Ban hành chính sách ưu đãi về thuế, vốn vay và lãi ưu đãi cho các doanh nghiệp chuyển đổi số và các công ty khởi nghiệp về giải pháp công*

nghe số. Trên cơ sở đó, DN logistics có thể mua giải pháp hoặc thuê giải pháp từ các DN cung cấp phần mềm khi chưa có đủ khả năng tài chính. Giảm thuế thuê đất, lãi vay để hỗ trợ các DN logistics có điều kiện đầu tư vào mạng lưới kho bãi, hệ thống phân loại hàng hóa, thiết bị tự động hóa với năng suất cao. Có chính sách khuyến khích CDS, hỗ trợ về vốn vay và lãi vay ưu đãi cho các công ty khởi nghiệp về giải pháp công nghệ số, nhằm giúp các DN logistics có thể mua hoặc thuê giải pháp từ các DN cung cấp phần mềm khi chưa có đủ khả năng tài chính.

- *Đẩy mạnh hoạt động liên kết CDS giữa các cơ quan nhà nước và các tổ chức, DN;* giữa hội, hiệp hội ngành nghề công nghệ thông tin với hội, hiệp hội logistics để tạo hiệu quả cao nhất trong nỗ lực CDS.

3.2. Về phía doanh nghiệp logistics

- *Cần thay đổi tư duy về CDS.* Việc CDS là điều tất yếu đối với hoạt động logistics, nếu không muốn bị đào thải khỏi thị trường. Tuy nhiên, để đạt được hiệu quả cao trong CDS, cần bắt đầu từ tư duy của các cấp lãnh đạo trong DN. Thực tế cho thấy, một số lãnh đạo DN vẫn còn bầy tỏ thái độ e ngại về tính an toàn, khả năng bảo mật thông tin của các nền tảng trực tuyến, dẫn đến việc chậm chạp, thiếu nhạy bén với công nghệ. Do vậy, cần phải thay đổi tâm lý cho DN.

- *Cần lựa chọn mô hình CDS phù hợp với doanh nghiệp.* Việc liên kết chặt chẽ với nội bộ ngành cũng như tìm kiếm tư vấn từ các đơn vị cung cấp dịch vụ CDS sẽ giúp DN xác định được hướng đi phù hợp. Nếu tìm ra được mô hình phù hợp, nắm bắt được công nghệ mới, DN có thể nhanh chóng bắt nhịp được với xu thế của thị trường.

- *Cần tiến hành CDS theo lộ trình, phù hợp với khả năng của DN.* DN phải có kế hoạch

dài hạn, bài bản và cần trọng trong từng bước như lựa chọn quy trình, tìm kiếm nhà cung cấp phù hợp về cả uy tín, chất lượng lẫn khả năng tài chính để tạo ra một hệ thống số liên hoàn, cùng chung chuẩn mực, có tính liên kết cao và dễ dàng truy xuất số liệu.

- *Hướng tới CDS toàn diện trong dịch vụ khách hàng.* Việc xây dựng nền tảng số cho chuỗi dịch vụ logistics, giúp kết nối các bên liên quan trong chuỗi (cảng, hãng vận tải, đại lý, công ty giao nhận, kho...) để chia sẻ dữ liệu, tăng tính hiện hữu cho chuỗi, nâng cao hiệu suất sử dụng.

- *Hướng tới xây dựng hệ sinh thái số trong doanh nghiệp* kết nối hệ thống kho vận số, khai thác dữ liệu hiện có của DN thành lợi thế cạnh tranh để lưu chuyển hàng hóa hiệu quả; Xây dựng dữ liệu chung lưu trữ và quản lý tập trung dữ liệu hành trình của các phương tiện giao thông, vận tải nhằm số hóa hoạt động, từ đó có cơ sở điều chỉnh về quy hoạch giao thông, bố trí bãi đậu xe nội thành, khu vực trung chuyển hàng hóa, bố trí giờ giấc ưu tiên. Hệ sinh thái số sẽ giúp loại bỏ tập quán giao dịch thủ công truyền thống giữa các bên, điện tử hóa các quy trình, phù hợp với xu thế kinh tế chia sẻ trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0.

- *Không ngừng cải thiện năng lực tài chính thông qua việc hợp tác, sáp nhập với các DN có tiềm lực tài chính tốt* hoặc tìm kiếm các nhà đầu tư tiềm lực để từ đó có thể có nguồn lực tài chính để đầu tư vào công nghệ, nguồn nhân lực chất lượng cao...

Đặc biệt, để chuyển đổi số thành công, bắt nhịp với sự phát triển của chuỗi cung ứng số trong khu vực và quốc tế, các DN dịch vụ logistics cần tự tìm kiếm các cơ hội phát triển, cải thiện trình độ công nghệ thông tin, tăng cường ứng dụng các thành

tựu khoa học kỹ thuật để kết nối thông tin, nhất là mạng lưới logistics toàn cầu.

4. KẾT LUẬN

Có thể thấy, tốc độ của CDS đang diễn ra mạnh mẽ trên toàn thế giới nhằm phát triển kinh doanh và mang tới chất lượng dịch vụ, sản phẩm tốt cho người dùng. Chuyển đổi số đóng vai trò vô cùng quan trọng đối với ngành Logistics để đảm bảo sự phát triển bền vững nền kinh tế quốc gia trong kỷ nguyên 4.0. Nhiều doanh nghiệp hiện còn đang lúng túng khi quyết định CDS bởi họ chưa nhận thức rõ những lợi ích doanh nghiệp có được từ việc CDS và CDS như thế nào. Thực tế, chuyển đổi số không chỉ là việc ứng dụng các phần mềm số hóa vào vận hành để giảm sức người, tối ưu chi phí mà còn thay đổi tư duy vận hành của người quản lý. Vì vậy, để CDS thành công, cần có sự chuyển đổi, phối hợp đồng bộ giữa các cơ quan QLNN cũng như DN. Doanh nghiệp cần nhận thức rõ chuyển đổi số là sự thay đổi quy mô lớn, đòi hỏi phải điều chỉnh cấu trúc, quy trình hoặc văn hóa kinh doanh cơ bản song sẽ mang lại tác động tích cực lớn đến sự phát triển lâu dài và bền vững của doanh nghiệp♦

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chính phủ (2017), Quyết định số 200/QĐ-TTg ngày 14/2/2017 về việc phê duyệt kế hoạch hành động nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistics Việt Nam đến năm 2025.

2. Thủ tướng Chính phủ (2020), Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 phê duyệt “chương trình CDS quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

3. VLR (2022), “Chiến lược phát triển bền vững ngành logistics đến năm 2025”, Tin tức & sự kiện, <https://www.ptscdinhvu.com.vn/bv-480-Chien-luoc-phat-trien-ben-vung-nganh-logistics-den-nam-2025.htm#.Ys6IP3ZBy5c>

4. Smartlog (2022), “Chuyển đổi số trong logistics - phao cứu sinh giúp doanh nghiệp bứt phá sau đại dịch”, <https://gosmartlog.com/chuyen-doi-so-trong-logistics-phao-cuu-sinh-giup-doanh-nghiep-but-pha-sau-dai-dich/>

5. Cao Cẩm Linh (2020), “Chuyển đổi số trong ngành dịch vụ Logistics Việt Nam”; <https://tapchitaichinh.vn/tai-chinh-kinh-doanh/chuyen-doi-so-trong-nganh-dich-vu-logistics-viet-nam-330676.html>

6. An Thị Thanh Nhân (2022), “Thực trạng và giải pháp chuyển đổi số ngành Logistics Việt Nam”, <https://amp.tapchicongthuong.vn/bai-viet/thuc-trang-va-giai-phap-chuyen-doi-so-nganh-logistics-viet-nam-89160.htm>

7. TXVN(2021), “Doanh nghiệp logistics còn nhiều động lực tăng trưởng”, <https://www.vietnamplus.vn/doanh-nghiep-logistics-con-nhieu-dong-luc-tang-truong/761899.vnp>

8. DX Vietnam - Asia Summit (2022), “Vietnam

DX Summit 2021: Công bố khung hướng dẫn chuyển đổi số cho SMEs”, <https://dxsummit.vn/2022/04/06/vietnam-dx-summit-2021-cong-bo-khung-huong-dan-chuyen-doi-so-cho-smes/>

9. Nguyễn Tương (2021), Ngành dịch vụ Logistics Việt Nam, <https://www.vla.com.vn/chuyen-doi-so-trong-nganh-dich-vu-logistics-viet-nam.html>

10. Trần Thanh Bình (2021), Chuyển đổi số trong ngành dịch vụ Logistics Việt Nam: Cơ hội tạo đột phá, hiện trạng và thách thức; <https://ictvietnam.vn/chuyen-doi-so-trong-nganh-dich-vu-logistics-viet-nam-co-hoi-cao-dot-pha-hien-trang-va-thach-thuc-20210204074831044.htm>

11. Như Huỳnh (2020), Dịch COVID-19 đặt ra yêu cầu cấp thiết phải CDS trong ngành logistics, Kinh tế Tiêu dùng. <https://vietnambiz.vn/dich-covid-19-dat-ra-yeu-cau-cap-thiet-phai-chuyen-doi-so-trong-nganh-logistics-20200930165103892.htm>